TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-ST
Ngày: 19-6-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự - hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị M

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Th

Ông Nguyễn Đình Đoan H

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022, về *việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự - hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST-DS ngày 11/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2023/QĐST-DS ngày 26/5/2023, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K

Địa chỉ: Số 40-42-44, đường Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc M là ông Ngô Văn Q, sinh năm 1976. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đồng Tháp. Địa chỉ: Số 30, đường Lý Thường Kiệt, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo quyết định ủy quyền số 982/QĐ-NHKL ngày 18/4/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn Q là anh Lê Minh V, sinh năm 1983 (theo giấy ủy quyền số 09/UQ-CNĐT ngày 24/5/2023 của Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đồng Tháp).

Địa chỉ: Số 30, Lý Thường Kiệt, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Minh T, sinh năm 1987;

Lê Thị Kim N, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp 3, xã M, thành phố C, Đồng Tháp

(Anh V có mặt tại phiên tòa, anh T, chị N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 31/12/2020 anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần K theo hợp đồng tín dụng số HT00335/HĐTD-CC, với số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán nhỏ.

Tài sản bảo đảm khoản tiền vay là xe mô tô, gắn máy nhãn hiệu HONDA (FUTURE); Giấy chứng nhận đăng ký số: 111553; Biển kiển soát: 66P2-155.41; Màu sơn: Trắng – Bạc - Đen; Dung tích: 125; Số máy: JC76E1073867; Số khung: 7633KY051115, do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày: 13/11/2020 (Đăng ký lần đầu: 13/11/2019). Tài sản thế chấp do phía anh T, chị N đang quản lý, sử dụng.

Vào ngày 14/5/2021 anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần K theo hợp đồng tín dụng số HT00383/HĐTD-CC, với số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán nhỏ.

Tài sản bảo đảm khoản tiền vay là xe mô tô, gắn máy nhãn hiệu HONDA (WAVE); Giấy chứng nhận đăng ký số: 128265; Biển kiển soát: 66P2-252.17; Màu sơn: Đen – Bạc; Dung tích: 109,1; Số máy: JF86E2151069; Số khung: 5834KY086626, do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày: 13/11/2020 (Đăng ký lần đầu: 23/11/2020). Tài sản thế chấp do phía anh T, chị N đang quản lý, sử dụng.

Vào ngày 14/5/2021 anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần K theo hợp đồng tín dụng số HT00384/HĐTD-CC, với số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán nhỏ.

Trong quá trình vay vốn, anh T và chị N không thanh toán nợ cho Ngân hàng đúng như thỏa thuận đã ký kết, khi đến hạn thanh toán Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh T và chị N không thực hiện và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: HT00335/HĐTD-CC, kỳ hạn vay 270 ngày, số tiền vay: 30.000.000 đồng, ký ngày 31/12/2020 là 30.000.000 đồng/270 ngày x 95 ngày (số ngày nợ) = 10.555.556 đồng.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng về lãi trong hạn: 16%/năm, ký ngày 31/12/2020. Từ ngày 25/6/2021 đến ngày 27/9/2021 là: 30.000.000 x 16%/365 x 95 (số ngày nợ) = 1.249.315 đồng.

Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay ban đầu = 24%/năm, kỳ hạn vay 270 ngày, tiền gốc còn nợ: 10.555.556 đồng, từ ngày 09/02/2022 đến ngày 31/08/2022 là: 10.555.556 đồng x 24%/365 x 205 (số ngày quá hạn)= 2.352.877 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: HT0083/384/HĐTD-CC, kỳ hạn vay 270 ngày, số tiền vay: 20.000.000 đồng, ký ngày 14/5/2021 là 20.000.000 đồng/270 ngày x 225 ngày (số ngày nợ) = 16.666.667 đồng.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng về lãi trong hạn: 16%/năm, ký ngày 14/5/2021. Từ ngày 29/6/2021 đến ngày 08/02/2022 là: 20.000.000 x 16%/365 x 225 ngày (số ngày nợ) = 1.972.603 đồng.

Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay ban đầu = 24%/năm, kỳ hạn vay 270 ngày, tiền gốc còn nợ: 16.666.667 đồng, từ ngày 09/02/2022 đến ngày 31/08/2022 là: 16.666.667 đồng x 24%/365 x 205 (số ngày quá hạn) = 4.599.452 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N cùng liên đới trả số tiền nợ gốc là 27.222.223 đồng; Lãi trong hạn là 3.222.218 đồng; Lãi quá hạn là 4.599.452 đồng. Tổng cộng là 35.043.592 đồng.

Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng/kiêm hợp đồng cầm cố số HT00335/00383/HĐTD-CC, ký ngày 31/12/2020 và ngày 14/5/2021 giữa Ngân hàng TMCP K với anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N là hợp pháp, nếu anh T và chị N không trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản để ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh T, chị N cùng liên đới trả số tiền nợ gốc của hợp đồng số HT00335/HĐTD-CC là 10.555.556 đồng; Lãi trong hạn tính từ ngày 25/6/2021 đến ngày 27/9/2021 với mức lãi suất 16%/năm là 1.249.315 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 28/9/2021 đến ngày 19/6/2023 với mức lãi suất 24%/năm là 4.372.603 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là 16.177.474 đồng.

Trả số tiền nợ gốc của Hợp đồng số HT0083/384/HĐTD-CC ngày 14/5/2021 là 16.666.667 đồng; Lãi trong hạn tính từ ngày 29/6/2021 đến ngày 08/02/2022 với mức lãi suất 16%/năm là 1.972.603 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 09/02/2022 đến ngày 19/6/2023 với mức lãi suất 24%/năm là 5.435.616 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là 24.074.886 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần K xin rút lại đối với yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng/kiêm hợp đồng cầm cố số HT00335/HĐTD-CC, ký ngày 31/12/2020 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với anh T, chị N.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi phát sinh theo

thoả thuận trong hợp đồng do chậm thi hành án.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N: Trong quá trình giải quyết vụ án không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp: Bản kê tính lãi theo hợp đồng (Bản chính); Giấy đề nghị vay vốn trả góp (Bản photo đã đối chiếu); Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố ngày 31/12/2020 và ngày 14/5/2021 (Bản photo đã đối chiếu);

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không có.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng dân sự - hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì nguyên đơn không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền vay của hợp đồng tín dụng số HT00335/HĐTD-CC, ký ngày 31/12/2020.

Cụ thể, yêu cầu anh T và chị N trả số tiền còn nợ gốc là 10.555.556 đồng; Lãi trong hạn tính từ ngày 25/6/2021 đến ngày 27/9/2021 với mức lãi suất 16%/năm là 1.249.315 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 28/9/2021 đến ngày 19/6/2023 với mức lãi suất 24%/năm là 4.372.603 đồng; Tổng cộng vốn và lãi

là 16.177.474 đồng.

Trả số tiền nợ gốc của Hợp đồng số HT0083/384/HĐTD-CC ngày 14/5/2021 là 16.666.667 đồng; Lãi trong hạn tính từ ngày 29/6/2021 đến ngày 08/02/2022 với mức lãi suất 16%/năm là 1.972.603 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 09/02/2022 đến ngày 19/6/2023 với mức lãi suất 24%/năm là 5.435.616 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là 24.074.886 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng do chậm thi hành án. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Giấy đề nghị vay vốn trả góp của anh T, chị N ghi ngày 12/5/2021; Giấy đề nghị vay vốn trả góp của anh T, chị N ghi ngày 06/8/2020 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HT0083/384/HĐTD-CC, ký ngày 14/5/2021; Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HT00335/HĐTD-CC, ký ngày 31/12/2020 thể hiện anh T và chị N có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần K và hiện nay chưa trả khoản tiền vay như yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh T và chị N liên đới trả số tiền còn nợ gốc và lãi 40.252.360 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K. Buộc anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền còn nợ gốc và lãi 40.252.360 đồng.

Trong đó: Đối với hợp đồng số HT00335/HĐTD-CC, ký ngày 31/12/2020 của số tiền nợ gốc là 10.555.556 đồng; Lãi trong hạn tính từ ngày 25/6/2021 đến ngày 27/9/2021 với mức lãi suất 16%/năm là 1.249.315 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 28/9/2021 đến ngày 19/6/2023 với mức lãi suất 24%/năm là 4.372.603 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là 16.177.474 đồng.

Trả số tiền nợ gốc của Hợp đồng số HT0083/384/HĐTD-CC ngày 14/5/2021 là 16.666.667 đồng; Lãi trong hạn tính từ ngày 29/6/2021 đến ngày 08/02/2022 với mức lãi suất 16%/năm là 1.972.603 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 09/02/2022 đến ngày 19/6/2023 với mức lãi suất 24%/năm là 5.435.616 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là 24.074.886 đồng.

[3] Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần K xin rút lại yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng/kiêm hợp đồng cầm cố số HT00335/HĐTD-CC, ký ngày 31/12/2020 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án, thì không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 173, Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Buộc anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền nợ gốc và lãi 40.252.360 đồng (Bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu công nhận hợp đồng tín dụng/kiêm hợp đồng cầm cố số HT00335/HĐTD-CC, ký ngày 31/12/2020 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 19/6/2023, anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần K thì lãi suất mà anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K theo quyết định của Toà án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 876.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011818 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (Do Huỳnh Văn Th nộp thay).

Anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị Kim N phải chịu 2.012.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Mỹ